

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 45 (04/11-08/11/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Số đơn yêu cầu trợ cấp thất nghiệp tăng nhẹ 3 nghìn đơn lên 221 nghìn đơn; Thâm hụt ngoại thương tăng lên 84,4 tỷ USD trong tháng 9/2024; Chỉ số PMI dịch vụ bất ngờ tăng vọt lên 56 điểm trong tháng 10/2024.
- EURO: Doanh số bán lẻ tăng 0,5% trong tháng 9/2024; Chỉ số PMI tổng hợp được điều chỉnh tăng lên 50 điểm vào tháng 10/2024.
- Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát hàng năm ở mức 0,3% trong tháng 10/2024; Hoạt động ngoại thương có dấu hiệu hồi phục.
- FED: Hạ lãi suất xuống 25 điểm cơ bản còn 4,5%-4,75%.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Chính phủ: Phần đầu tăng trưởng quý IV đạt khoảng 7,5%.
- TCTK: Tình hình Kinh tế - Xã hội tháng mười và 10 tháng năm 2024; CPI tháng 10/2024 tăng 0,33% so với tháng trước.
- Standard Chartered: Standard Chartered dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức vừa phải.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở các phiên trong tuần trước khi giảm nhẹ vào phiên cuối tuần.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 308.344 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 83.050 tỷ VND cổ phiếu. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 10 năm (+0,51 điểm) và 15 năm (không thay đổi).

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	4,8	1,08	8,78	-1,4
1 Tuần	4,85	-2,19	12,24	-10,39
2 Tuần	4,88	-2,73	12,96	-11,68
1 Tháng	4,76	1,37	11,75	-8,17
3 Tháng	5,15	-0,98	11,5	-10,89
6 Tháng	5,31	3,85	9,47	-7,07
9 Tháng	5	-18,94	31,25	-45,28

Ghi chú: Ngày áp dụng 07/11/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
04/11/2024	7		21/21	29.999,97	4
	28		1/1	300	3,9
05/11/2024	7		19/19	19.999,95	4
	28		2/2	600	3,9
06/11/2024	7		18/18	14.999,99	4
	28		2/2	600	3,9
07/11/2024	7		15/15	15.000	4
	28		3/3	900	3,9
08/11/2024	7		13/13	10.000	4
	28		3/3	1.550	4

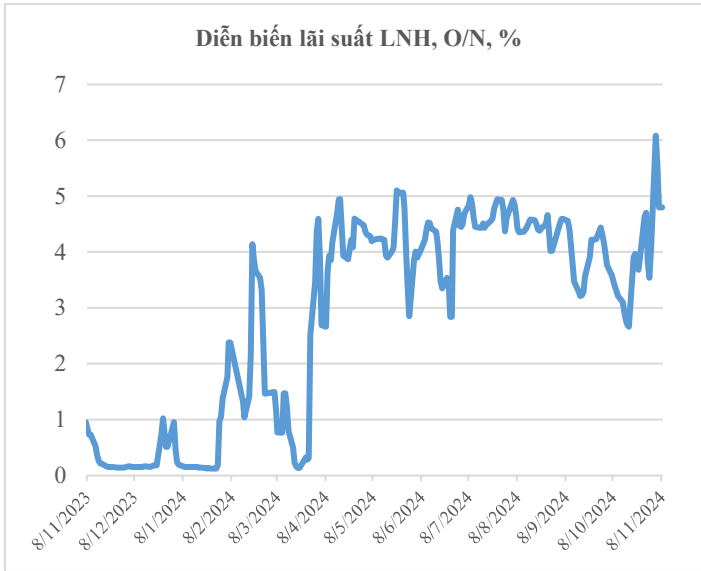
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 45 (04/10-08/11/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,31		0,88			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		62%		61%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	69.750		3.000			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	254.250		5.000			
5	15 Năm	132.500		1.000			
6	20 Năm	14.000		500			
7	30 Năm	21.900		500			
	Tổng	498.400		10.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	92.781	1,3	1.300	1,89		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	379.832	2,08	6.300	2,66		
5	15 Năm	146.651	2,28	1.100	2,91		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	19.126	2,8	98	3,1		
	Tổng	653.091		8.798			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	44.170	1,37	1.000	1,9	+0,01	+0,4
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	183.910	2,15	5.000	2,66	-	+0,51
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	7.580	2,85	98	3,1	-	+0,25
	Tổng	308.344		6.098			

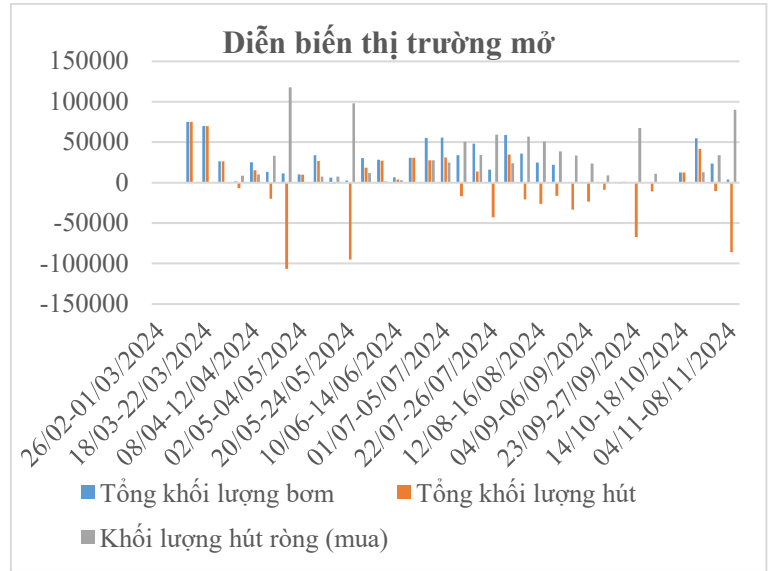
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

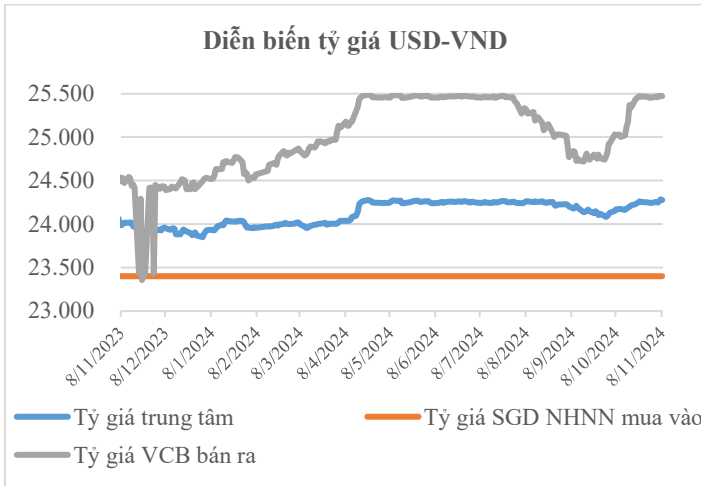


Nguồn: NHNN

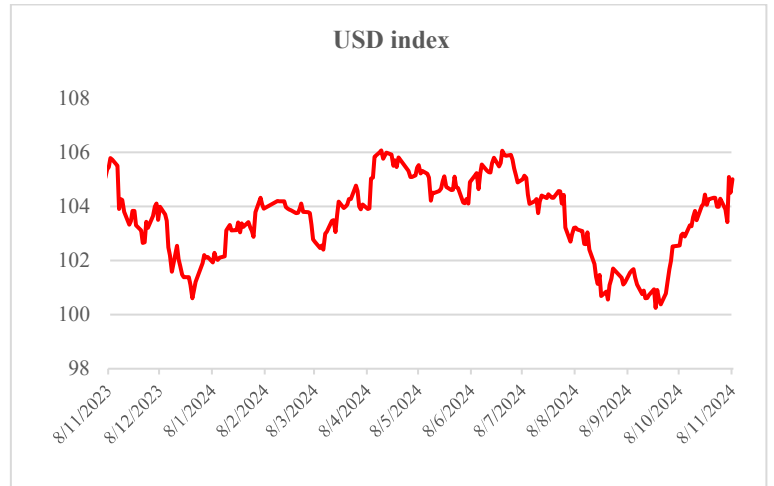


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

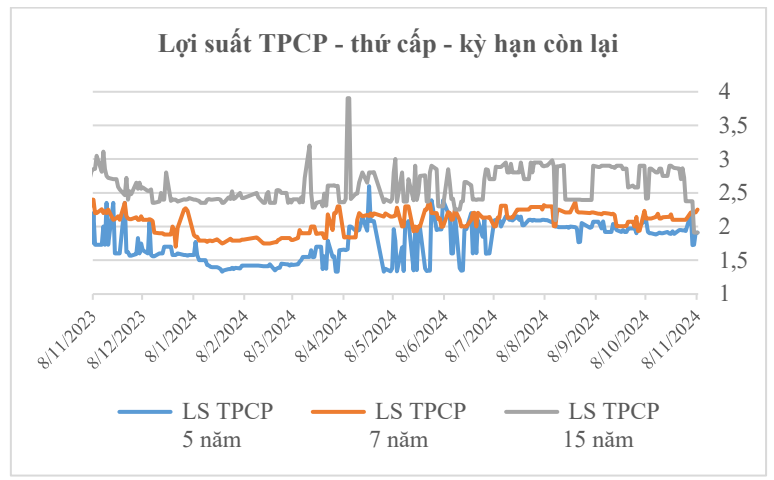
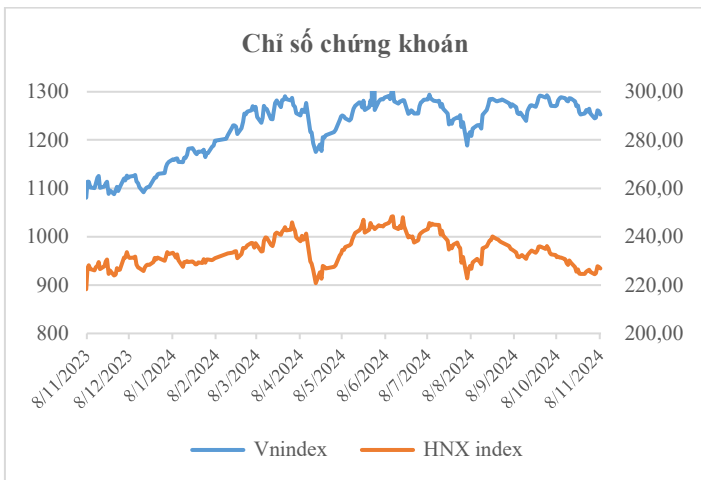


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 45 (04/11-08/11/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.75%	5.00%	19/09/2024	18/12/2024
ECB	EURO Zone	3.25%	3.50%	17/10/2024	12/12/2024
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00 %	31/07/2024	19/12/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35 %	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	10/12/2024
BoE	Anh	5.00%	5.25%	01/08/2024	19/12/2024
BOK	Hàn Quốc	3.25 %	3.50 %	11/10/2024	28/11/2024
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	20/11/2024
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	22/01/2025
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	18/12/2024
CBR	Nga	21.00%	19.00%	13/09/2024	20/12/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.07190	-1.05%	-2.03%	0.50%
GBPUSD	1.29164	0.01%	-1.15%	5.69%
AUDUSD	0.65837	0.38%	-1.97%	3.44%
USDJPY	152.616	-0.22%	2.32%	0.84%
USDCNY	7.19746	0.83%	1.50%	-1.37%
USDCAD	1.39066	-0.31%	1.44%	0.73%
USDRUB	97.6000	-0.66%	0.62%	6.47%
USDKRW	1396.23	1.15%	3.80%	6.01%
DXY	104.949	0.60%	2.01%	-0.91%
USDTHB	34.1300	0.49%	1.79%	-4.48%
USDSGD	1.32398	-0.15%	1.27%	-2.67%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.3100	-0.09%	0.24%	-0.32%
United Kingdom	4.4442	-0.02%	0.26%	0.17%
Japan	1.0059	0.06%	0.07%	0.17%
Australia	4.5570	0.00%	0.37%	-0.09%
Germany	2.3640	-0.04%	0.11%	-0.29%
China	2.1200	0.00%	-0.06%	-0.54%
Singapore	2.8240	-0.02%	-0.06%	-0.27%
South Korea	3.0610	-0.02%	-0.02%	-0.89%
Taiwan	1.5300	0.03%	-0.01%	0.31%
Thailand	2.4400	0.03%	-0.05%	-0.80%
Vietnam	2.8430	0.03%	0.08%	0.00%
Hong Kong	3.3360	0.15%	0.30%	-0.68%
Indonesia	6.7050	-0.04%	0.03%	-0.04%
Malaysia	3.9055	-0.05%	0.08%	-0.02%
Philippines	5.8900	0.04%	0.15%	-0.83%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1Y	+/_ % 3 Y
Dow Jones	+4.61%	+2.62%	+16.71 %	+28.31%	+22.46%
S&P 500	+4.66%	+3.10%	+25.70 %	+35.79%	+28.96%
Nasdaq	+5.74%	+5.15%	+28.48 %	+39.78%	+22.81%
DAX	-0.21%	-0.82%	+14.71 %	+26.13%	+19.48%
FTSE 100	-1.28%	-2.20%	+4.39%	+9.67%	+9.32%
CAC 40	-0.95%	-3.16%	-2.71%	+4.17%	+3.95%
Euro Stoxx 50	-1.55%	-4.03%	+6.20%	+14.41%	+10.19%
Nikkei 225	+3.72%	-0.35%	+17.94 %	+21.19%	+34.81%
Shanghai	+5.51%	+7.29%	+16.05 %	+13.60%	-2.28%
Hang Seng	+1.08%	-2.46%	+21.59 %	+20.49%	-17.90%
SET	+0.04%	-0.37%	+3.45%	+5.41%	-10.28%
KOSPI	+0.74%	-1.38%	-3.55%	+6.29%	-12.44%
IDX Com	-2.91%	-3.10%	+0.20%	+7.02%	+8.90%
PSEi	-2.32%	-4.56%	+8.17%	+13.23%	-4.83%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	70.380	1.28%	-3.91%	-6.87%
Natural gas USD/MMBtu	2.6690	0.23%	0.34%	-19.92%
Gasoline USD/Gal	2.0123	2.46%	-2.54%	-5.82%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2684.52	-1.89%	2.92%	37.09%
Silver USD/t.oz	31.290	-3.52%	2.60%	38.33%
Lithium CNY/T	72500	1.40%	-5.23%	-55.66%
Platinum SD/t.oz	967.90	-2.56%	1.68%	12.59%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.2915	-1.29%	-1.46%	17.88%
Steel CNY/T	3230.00	-1.82%	-4.15%	-16.41%
Iron Ore USD/T	103.82	1.30%	-2.54%	-18.50%
Aluminum USD/T	2630.00	0.96%	3.34%	17.28%
Tin USD/T	31648	-0.24%	-2.58%	27.41%
Zinc USD/T	2989.00	-2.64%	-1.39%	14.85%
Nikel USD/T	16327	2.15%	-6.70%	-7.15%
Coal USD/T	142.20	-1.28%	-5.70%	16.08%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Mỹ:

Số đơn yêu cầu trợ cấp thất nghiệp tăng nhẹ 3 nghìn đơn lên 221 nghìn trong tuần cuối cùng của tháng 10. Mặc dù có sự gia tăng nhẹ, nhưng số lượng vẫn thấp hơn nhiều so với mức trung bình của đầu tháng.

Thâm hụt ngoại thương tăng lên 84,4 tỷ USD trong tháng 9, so với mức thâm hụt 70,8 tỷ USD ở tháng trước. Cụ thể:

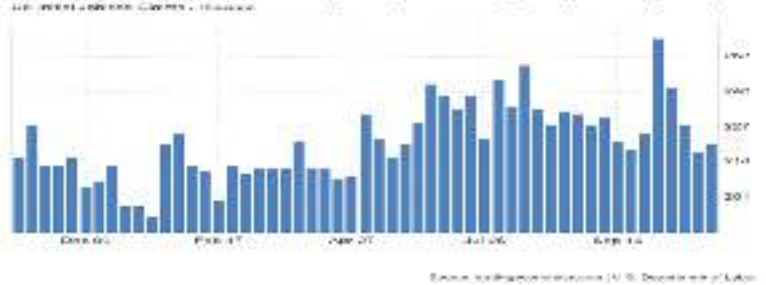
Nhập khẩu: +3% lên 352,3 tỷ USD

Xuất khẩu: -1,2% xuống 267,9 tỷ USD

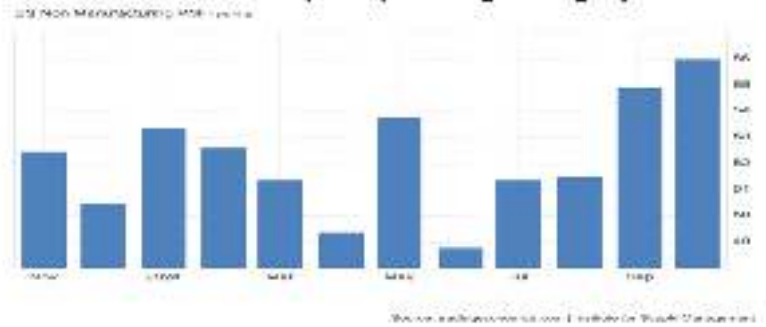
Chỉ số PMI dịch vụ bất ngờ tăng vọt lên 56 điểm trong tháng 10/2024, từ mức 54,9 vào tháng trước và vượt qua dự báo là 53,8 điểm.

Tâm lý người tiêu dùng đã tăng lên 73 điểm - mức cao nhất trong bảy tháng, so với 70,5 vào tháng 10 và cao hơn dự báo là 71.

Số lượng đơn yêu cầu trợ cấp thất nghiệp tăng nhẹ



Chỉ số PMI dịch vụ bất ngờ tăng vọt



Nguồn: BLS/Tradingeconomics

Khu vực EURO:

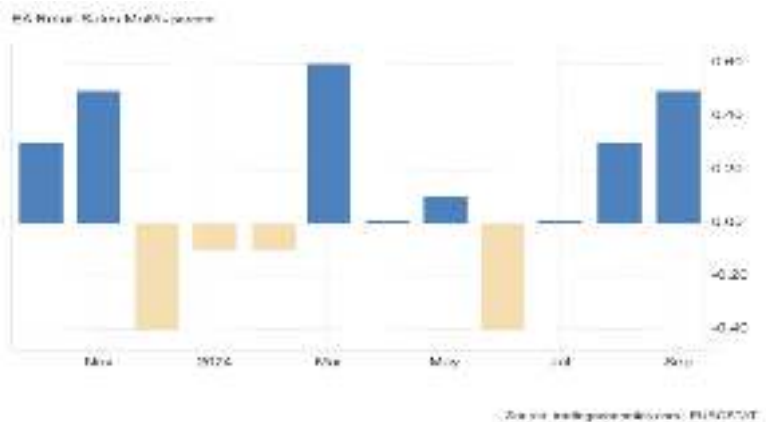
Doanh số bán lẻ tăng 0,5% trong tháng 9/2024 so với tháng trước.

Chỉ số PMI tổng hợp được điều chỉnh tăng lên 50 điểm vào tháng 10, so với mức 49,6 điểm ở tháng trước. Cụ thể:

PMI sản xuất tăng nhẹ lên 46 điểm

PMI dịch vụ tăng lên 51,6 điểm

Doanh số bán lẻ tiếp tục tăng



Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics

Trung Quốc:

Tỷ lệ lạm phát hàng năm ở mức 0,3% trong tháng 10, so với con số 0,4% ở tháng trước. Đây là tháng thứ chín liên tiếp lạm phát tiêu dùng nhưng là mức thấp nhất kể từ tháng 6.

Hoạt động ngoại thương có dấu hiệu hồi phục

Xuất khẩu: +12,7% đạt 309,06 tỷ USD

Nhập khẩu: -2,3% còn 213,3 tỷ USD

Do đó, thặng dư thương mại tăng vọt lên 95,27 tỷ USD trong tháng 10, vượt qua kỳ vọng là 75,1 tỷ USD. Đây là mức thặng dư thương mại lớn nhất kể từ tháng 6, chủ yếu là do xuất khẩu tăng vọt.



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới giảm

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay giảm nhưng vẫn quanh mức 2.700 USD/oz, khi thị trường phản ứng với những tác động từ nhiệm kỳ tổng thống của Donald Trump và quyết định lãi suất mới nhất của Fed

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu Brent giảm 2,3% xuống 73,87 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI giảm 2,7% xuống còn 70,38 USD/thùng.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

FED: Hạ phạm vi mục tiêu xuống 25 điểm cơ bản còn 4,5%-4,75%

Tại cuộc họp tháng 11, Fed đã lãi suất 25 điểm cơ bản xuống còn 4,5%-4,75, sau khi cắt giảm 50 điểm cơ bản vào tháng 9

Các quan chức FED nhấn mạnh sẽ đánh giá cẩn thận dữ liệu đầu vào, triển vọng đang phát triển và sự cân bằng rủi ro khi xem xét các điều chỉnh bổ sung đối với chi phí đi vay.

Trong cuộc họp báo thường kỳ, Chủ tịch Powell cho biết Fed không theo bất kỳ lộ trình định sẵn nào và sẽ tiếp tục quyết định trên cơ sở từng cuộc họp. Ông cũng đề nghị khả năng tạm dừng vào tháng 12 vì các quan chức sẽ phải xem dữ liệu dẫn đến đâu, nhưng không loại trừ khả năng "có hoặc không" cắt giảm lãi suất vào tháng 12.

Nguồn: Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

Phân đầu tăng trưởng quý IV đạt khoảng 7,5%

Thủ tướng yêu cầu:

- Thủ tướng trong phát biểu khai mạc đã nêu ra 6 điểm nổi bật trong tình hình quốc tế tháng 10 và 10 tháng qua, bao gồm: sự gia tăng cạnh tranh chiến lược, xung đột tại Ukraine và Trung Đông, biến động giá cả hàng hóa, phục hồi kinh tế toàn cầu chậm, thiên tai và biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, và những thách thức từ xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh đối với các nước đang phát triển.
- Trong tháng 10, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo 6 nhiệm vụ lớn: thực hiện kết luận Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII, ứng phó thiên tai, chuẩn bị Kỳ họp thứ 8 Quốc hội XV, xử lý các dự án yếu kém, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, rà soát tình hình thực hiện các mục tiêu 2024, 5 năm, và chuẩn bị văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng.

Tình hình Kinh tế - Xã hội tháng mười và 10 tháng năm 2024

- Sản xuất nông nghiệp tập trung vào chăm sóc, thu hoạch lúa mùa và lúa thu đông trên toàn quốc. Chăn nuôi phát triển ổn định, với các địa phương nỗ lực phục hồi sau ảnh hưởng của bão số 3. Hoạt động khai thác gỗ tăng mạnh do nhu cầu nguyên liệu gỗ cao. Nuôi trồng thủy sản duy trì tăng trưởng, đặc biệt là cá tra và tôm nước lợ phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, trong khi khai thác thủy sản giảm do ảnh hưởng của mưa bão.
- Sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng tích cực, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2024 tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung mười tháng năm 2024, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Tính chung mười tháng năm 2024, cả nước có hơn 202,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2023; bình quân một

- Thủ tướng đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục cải thiện, và yêu cầu các đại biểu tập trung thảo luận về kết quả đạt được, khó khăn, thách thức và dự báo tác động từ các sự kiện quốc tế như bầu cử Mỹ. Thủ tướng cũng nhấn mạnh mục tiêu đạt tăng trưởng GDP 7% trong năm 2024, đề xuất các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Cuối cùng, Thủ tướng yêu cầu chuẩn bị tốt các công việc phục vụ Kỳ họp Quốc hội sắp tới, đặc biệt là chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và tổ chức các ngày lễ lớn, trong đó có kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam vào cuối năm 2024

Nguồn: Chinhphu.vn

- Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong mười tháng năm 2024 có 124 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 429,9 triệu USD, tăng 71,2% so với cùng kỳ năm trước; có 21 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 43,2 triệu USD, giảm 75,1%. Tính chung mười tháng năm 2024, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 473,1 triệu USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 178,5 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước mười tháng năm 2024 đạt 1.654,2 nghìn tỷ đồng, bằng 97,2% dự toán năm và tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 10/2024 ước đạt 155,4 nghìn tỷ đồng; lũy kế mười tháng năm 2024 ước đạt 1.399,7 nghìn tỷ đồng, bằng 66,0% dự toán năm và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 10/2024 ước đạt 545,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung mười tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5.246,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng

tháng có hơn 20,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 173,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 17,3 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

kỳ năm 2023 tăng 9,8%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 4,6% (cùng kỳ năm 2023 tăng 7,3%).

- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa[3] sơ bộ đạt 69,19 tỷ USD, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 11,8% so với cùng kỳ

năm trước. Tính chung mười tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 647,87 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,9%; nhập khẩu tăng 16,8%.

Nguồn: TCTK

Standard Chartered dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức vừa phải

- Ngân hàng Standard Chartered cập nhật dự báo kinh tế Việt Nam, cho thấy tăng trưởng GDP năm 2024 sẽ đạt 6.8% (tăng từ 6% trước đó), với đà tăng trưởng chậm lại từ quý 3. Dự báo tăng trưởng quý 4 sẽ ở mức 6.9%. Doanh số bán lẻ và xuất khẩu có thể giảm, lần lượt đạt 6.2% và 6.2%, trong khi nhập khẩu và sản xuất công nghiệp có thể tăng nhẹ.

- Lạm phát hiện đã giảm nhưng dự báo sẽ tăng lên khoảng 3% vào tháng 10 và tiếp tục tăng trong các năm tới.

Standard Chartered dự đoán Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể tăng lãi suất thêm 50 điểm cơ bản vào quý 2/2025.

- Việt Nam tiếp tục ghi nhận thặng dư thương mại, với thặng dư 3.8 tỷ USD trong tháng Mười. Dù áp lực kinh tế ngắn hạn vẫn tồn tại, nhưng Standard Chartered nhận định nền kinh tế Việt Nam đang hoạt động tốt hơn kỳ vọng. Chính phủ thúc đẩy tăng trưởng có thể giúp duy trì lãi suất thấp.

Nguồn: TTTT tổng hợp

CPI tháng 10/2024 tăng 0,33% so với tháng trước

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2024 tăng 0,33% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng 10 tăng 2,52% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,89%. Bình quân 10 tháng năm 2024, CPI tăng 3,78% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69%.

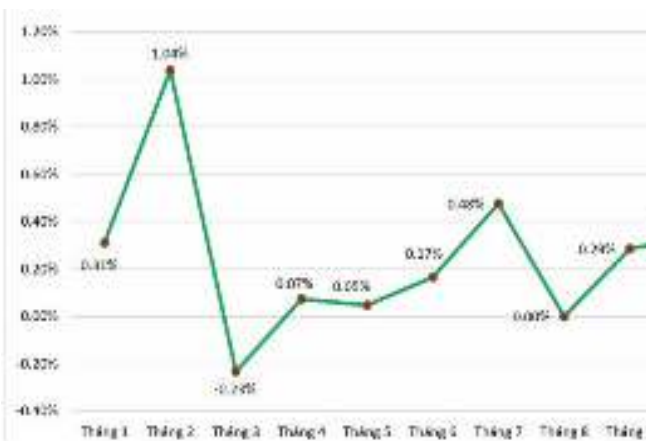
- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,2% do nhu cầu tiêu dùng tăng và kết thúc các chương trình khuyến mại.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng nhẹ 0,02% do nhu cầu thuốc tăng vào thời điểm chuyển mùa.

- Nhóm giao thông tăng 0,66%, chủ yếu do giá dầu và xăng tăng, và giá vé máy bay tăng mạnh (32,75%) do nhu cầu tăng cao.

- Nhóm giáo dục tăng 0,48%, và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,09%.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm nhẹ 0,05%.



CPI tháng 10/2024 tăng 0,33% so với tháng trước

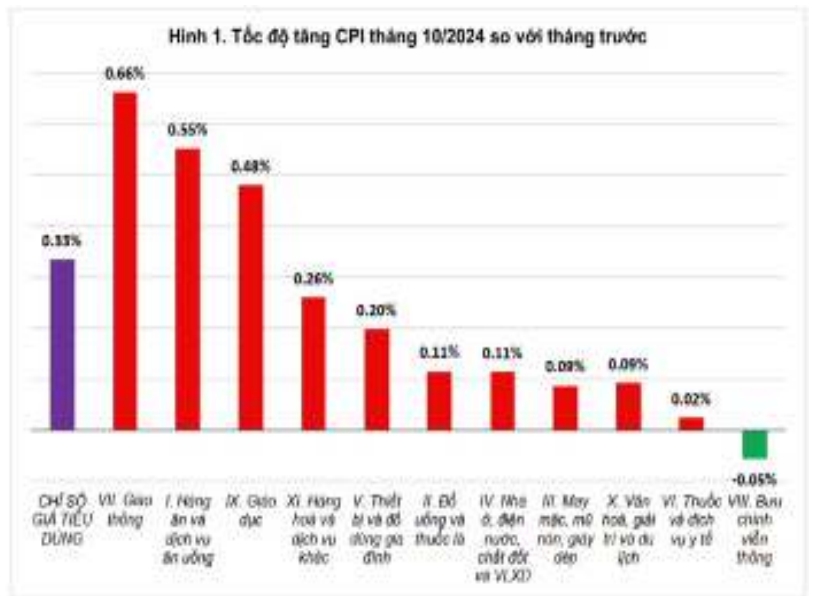
Trong tháng 10/2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam có sự biến động đáng chú ý. Tổng cộng, có 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng giá so với tháng trước, duy chỉ có nhóm bưu chính, viễn thông giảm giá.:

- Nhóm ăn uống và dịch vụ ăn uống tăng 0,55%, đóng góp tăng 0,18 điểm phần trăm vào CPI chung.

Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,11% do chi phí nhân công và tỷ giá tăng.

- Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,09% nhờ nhu cầu mua sắm tăng khi thời tiết chuyển mùa.

- Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,11%, chủ yếu do giá gas và dầu hỏa tăng, cùng với giá thuê nhà tăng.



Nguồn: TCTK

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 45 (04/11-08/11/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Tuần từ 04/11 - 08/11, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 90.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 89.999,91 tỷ đồng trúng thầu, có 33.999,91 đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố.

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 04/11-08/11, lãi suất VND liên ngân hàng có xu hướng tăng ở tất cả các kỳ hạn qua tất cả các phiên. Chốt phiên ngày 07/11, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,80% (+1,26 điểm phần trăm); 1 tuần 4,85% (+0,93 điểm phần trăm); 2 tuần 4,88% (+0,76 điểm phần trăm); 1 tháng 4,76% (+0,96 điểm phần trăm) so với phiên 31/10.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 3.950 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất 4 phiên đầu tuần ở mức 3,90%, phiên cuối tuần tăng lên mức 4,0%. Có 13.400 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 45 (04/11-08/11/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 04/11-08/11, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở các phiên trong tuần trước khi giảm nhẹ vào phiên cuối tuần. Chốt ngày 08/11, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.278 VND/USD, tăng 36 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và tăng 110 đồng so với phiên cùng ngày tháng 10.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD.

- Chỉ số USD Index biến động nhẹ ở các phiên trong tuần, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 105.09 điểm. Chốt lại phiên ngày 08/11 ở mức 105.00 điểm tăng 0.72 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 2.46 điểm so với phiên cùng ngày tháng 10.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 04/11 - 08/11 biến động tăng - giảm đan xen. Kết thúc phiên 08/11, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.275, giảm nhẹ 19 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 426 đồng so với phiên cùng ngày tháng 10.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP & TP CBLCP: Tuần 45 (04/11-08/11/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **3.470/ 11.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ gần bằng 61%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 5 năm-lãi suất 1,9 % (tăng 0,01 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,66 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,1 % (không tăng giảm điểm %);

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 5 năm-lãi suất 1,9 % (tăng 0,01 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,66 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,1 % (không tăng giảm điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **308.344** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 200 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 100%. Lũy kế từ đầu năm đến 08/11/2024 là 333.041 tỷ VND (có 340 đợt thông báo phát hành).

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **14.974** tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.252,56** điểm (-2,33 điểm; **-0,19%**) và *HNX-Index* đóng cửa ở 226,88 điểm (+1,47 điểm; **+0,65%**) so với phiên cuối tuần trước.

Thị trường thứ cấp TPCP & TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 10.332 tỷ đồng/phiên, giảm 6,50% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	Giảm	0.02	điểm%
7 năm	Tăng	0.53	điểm%
10 năm	Giảm	0.32	điểm%
15 năm	Giảm	0.46	điểm%

Tuần qua NĐT NN mua ròng 296.10 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VND)
TUẦN 45 (04/11-08/11/2024)	296.10
Tháng 10-2024	-434.84
Q3 - 2024	2,451.07
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 23.596 tỷ VND (Khôi lượng 33.167)

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 890.233 tỷ VND (KL đạt 1.915.694).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 08/11/2024 là 63,6%, tăng 3,75 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 3,640 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 83,050 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 08/11/2024 : 7,001 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 11,011 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
CP	Nghị định 145/2024/NĐ-CP sửa đổi khoản 2 Điều 12 của Nghị định 03/2017/NĐ-CP về kinh doanh casino	04/11/2024	04/11/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html
CP	Nghị định 146/2024/NĐ-CP sửa đổi NĐ 102/2022/NĐ-CP cơ cấu tổ chức Ngân hàng Nhà nước	06/11/2024	05/01/2025	
TTCP	Công điện số 115/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024	07/11/2024	07/11/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
TTCP	Quyết định số 1338/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong công tác phòng, chống tội phạm rửa tiền và tài trợ khủng bố ban hành kèm theo quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ	06/11/2024	06/11/2024	
VPCP	Thông báo số 511/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo về kết quả công tác quản lý, điều hành giá 10 tháng đầu năm 2024, định hướng công tác điều hành giá những tháng còn lại năm 2024	06/11/2024	06/11/2024	

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo	04/11/2024		https://luatvietnam.vn/du-thao.html

BTC	Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn	04/11/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl
-----	---	------------	--	---

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

